

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 5 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Duy Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sùng Seo Chử.

2. Bà Tần Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giàng Mạnh Vàng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Sùng Ti X, năm sinh 1989.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Sùng Văn C, năm sinh 1986.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Sùng Ti X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai ngày 01/12/2009. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Đến nay thì mâu thuẫn giữa anh chị trở nên trầm trọng hơn, anh chị thường xuyên xảy ra cãi

chửi nhau nhiều hơn và đến thời điểm hiện tại thì không thể chung sống cùng nhau được nữa. Anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm ai; mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình động viên nhiều lần nhưng không thành. Nay chị X xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị X được ly hôn với anh C để đảm bảo cuộc sống riêng của hai người.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị X và anh C chỉ có ba người con chung là cháu Sùng Thị Lan H, sinh ngày 10/8/2010, cháu Sùng Quỳnh N, sinh ngày 06/01/2012 và cháu Sùng Anh T, sinh ngày 25/01/2014. Nay chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H, cháu N và cháu T cho đến khi cháu H, cháu N và cháu T đủ 18 tuổi. Chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H, cháu N và cháu T mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, tổng cộng là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cháu H, cháu N và cháu T không được ai tặng cho, thừa kế tài sản gì.

Hiện nay nghề nghiệp của chị X là làm tự do, thu nhập một tháng khoảng 8.000.000 đồng. Còn anh C nghề nghiệp là làm tự do, làm ruộng, nương, thu nhập một tháng cũng khoảng 6.000.000 đồng.

2. Đề nghị của bị đơn: Tại Bản tự khai ngày 14/3/2025 và những lời trình bày tiếp theo, bị đơn anh Sùng Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C nhất trí với chị X đã trình bày về thời gian chung sống, việc tổ chức cưới hỏi, nơi cư trú, nghề nghiệp, thu nhập của chị X, anh C và ba con của anh chị. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau và chị X hay đi làm thuê, sau đó chị X về nhà thường hay xa lánh và lạnh nhạt về mặt tình cảm với anh C. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình động viên nhiều lần nhưng không thành. Anh C thấy mâu thuẫn giữa anh chị chưa đến mức trầm trọng, anh chị mới sống ly thân nhau từ tháng 02/2025 cho đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh C không đồng ý ly hôn chị X. Nếu chị X cương quyết xin ly hôn thì anh C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về nuôi con khi ly hôn: Nếu chị X cương quyết xin ly hôn thì anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H, cháu N và cháu T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh C yêu cầu chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H, cháu N và cháu T mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, tổng cộng là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay, anh C, cháu H, cháu N và cháu T đều đang ở tại ngôi nhà chung của anh C và chị X tại thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên là cháu Sùng Thị Lan H, cháu Sùng Quỳnh N và cháu Sùng Anh T đều trình bày: Nếu bố mẹ đẻ ba cháu không chung sống với nhau nữa, thì nguyện vọng của ba cháu được ở với bố, vì bố đẻ của ba cháu là người quan tâm chăm sóc ba cháu về mọi mặt.

4. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

4.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại các Điều 97, 98, 208, 209, 210, 211, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 48, 49, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.2. Về việc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử theo hướng:

- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Sùng Ti X, cho chị X được ly hôn với anh Sùng Văn C.

- Về con: Giao 03 con chung là cháu Sùng Thị Lan H, sinh ngày 10/8/2010, cháu Sùng Quỳnh N, sinh ngày 06/01/2012 và cháu Sùng Anh T, sinh ngày 25/01/2014 cho anh Sùng Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu H, N, T mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng x 3 cháu, tổng cộng là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào được ngăn cản việc thăm nom chăm sóc con chung.

- Về tài sản và khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí đối với các đương sự.

- Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

4.3. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của chị X thuộc thẩm quyền giải của Tòa án nhân dân huyện Mường Khương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn và bị đơn đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử. Sau khi Tòa án ra

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt lần thứ nhất có đơn xin hoãn phiên tòa, lần thứ hai thì bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh C là hợp pháp. Qua lời khai của chị X, thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Nếu hơn, mâu thuẫn giữa anh chị trở nên trầm trọng hơn và đến thời điểm hiện tại thì không thể chung sống cùng nhau được nữa, anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai; khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không thành. Nay tình cảm giữa chị X đối với anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để đảm bảo cuộc sống riêng của hai người. Còn anh C cho rằng nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau và chị X hay đi làm thuê sau đó chị X về nhà thường hay xa lánh và lạnh nhạt về mặt tình cảm với anh. Anh C thấy mâu thuẫn giữa anh chị chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn, vợ chồng mới sống ly thân nhau từ tháng 02/2025 cho đến nay, nên anh C không đồng ý ly hôn chị X; nếu chị X cương quyết ly hôn thì anh C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc phát sinh mâu thuẫn của anh chị là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, sau khi anh chị phát sinh mâu thuẫn thì anh chị đã được hai bên gia đình động viên nhiều lần nhưng không thành, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ gia đình, bản thân anh C đã có đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ nhất để anh C có thời gian động viên, khuyên bảo chị X, nhưng đến nay anh chị không thể về đoàn tụ gia đình. Do tình cảm giữa chị X đối với anh C không còn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để đảm bảo cuộc sống riêng của hai người là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian chị X và anh C chung sống với nhau chỉ có ba người con chung là cháu Sùng Thị Lan H, cháu Sùng Quỳnh N và cháu Sùng Anh T, hiện nay cháu H, cháu N và cháu T đang ở cùng với anh C và chị X, bản thân cả ba cháu đều có nguyện vọng là được ở với anh C vì anh C là người quan tâm chăm sóc các cháu về mọi mặt; nghề nghiệp của anh C là làm tự do, làm ruộng, thu nhập một tháng khoảng 6.000.000 đồng; còn nghề nghiệp của chị X cũng là làm tự do, thu nhập một tháng khoảng 8.000.000 đồng. Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải và tại Biên bản hòa giải ngày 16/4/2025, anh C và chị X đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Cụ thể, anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H, cháu N và cháu T cho đến khi cháu H, cháu N và cháu T đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại khoản 1,2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Đồng

thời, sau khi anh C và chị X không còn chung sống với nhau, người không trực tiếp nuôi con: có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại Biên bản hòa giải ngày 16/4/2025, chị X và anh C đã thỏa thuận: Chị Sùng Ti X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H, cháu N và cháu T mỗi cháu là 1.000.000 đồng/một tháng, tổng cộng là 3.000.000 đồng/một tháng, kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu H, cháu N và cháu T đủ 18 tuổi; anh chị cũng thỏa thuận: bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng định kỳ hàng tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a,b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,2,3 Điều 82, khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a,b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Sùng Ti X và anh Sùng Văn C. Quan hệ hôn nhân của chị Sùng Ti X và anh Sùng Văn C được chấm dứt kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Anh Sùng Văn C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sùng Thị Lan H, sinh ngày 10/8/2010, cháu Sùng Quỳnh N, sinh ngày 06/01/2012 và cháu Sùng Anh T, sinh ngày 25/01/2014 cho đến khi cháu H, cháu N và cháu T đủ 18 tuổi. Chị Sùng Ti X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H, cháu N và cháu T mỗi cháu là 1.000.000 (một triệu) đồng/một tháng, tổng cộng là 3.000.000 (ba triệu) đồng/một tháng, kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu H, cháu N và cháu T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Sùng Ti X phải chịu: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Tổng cộng là 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004878 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Chị X còn phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Mường KH (2);
- CCTHADS huyện Mường KH;
- UBND xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Tổng Duy Toán